

Bản án số: 197/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 27/4/2021.  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thị Ngọc Diệp.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vũ Thị Thân.
2. Ông Nguyễn Hoàng Sơn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai Vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 507/2020/TLST – HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐST-HNGĐ ngày 02 ngày 3 tháng 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm: 1974; Địa chỉ: đường 1, Phường C, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lê Hoàng V, sinh năm: 1971; Địa chỉ: đường 1, Phường C, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Bà Trần Thị H và ông Lê Hoàng V tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2001 tại Ủy ban nhân dân Phường C, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 94 cấp ngày 30/5/2001. Trong thời gian chung sống hai vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Thùy L (nữ, sinh ngày: 05/12/1993), Lê Thị Thùy A (nữ, sinh ngày: 01/12/2002).

*\* Theo đơn khởi kiện nộp ngày 12/10/2020, bản tự khai, biên bản hòa giải, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Trần Thị H – trình bày:*

Trong quá trình chung sống, những năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn về mặt tình cảm và kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh chủ yếu là do ông Lê Hoàng V hay uống rượu bia về nhà gây sự với vợ con, mắng chửi Bà H. Bà H cùng gia đình chồng đã nhiều lần khuyên nhủ ông V nhưng tình hình

không có cải thiện. Ông V vẫn thường xuyên uống rượu bia và không có trách nhiệm với vợ con. Các con đều đã trưởng thành nên Bà H không muốn chịu đựng thêm nữa.

Nay Bà H xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông V không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, không thể hàn gắn với nhau được nên Bà H yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông V để hai bên không còn bị ràng buộc về mặt pháp lý, ổn định cuộc sống để chăm sóc, nuôi dạy con chung.

Về con chung: Lê Thị Thùy L, Lê Thị Thùy A đã thành niên, Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* *Bị đơn - Ông Lê Hoàng V* : đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để Toà án lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông V đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai, ý kiến và yêu cầu của ông V. Ông V cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào cho Tòa án.

\* *Tại phiên tòa*:

- Nguyên đơn – bà Trần Thị H – có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trong đơn khởi kiện đã nêu.

- Bị đơn – ông Lê Hoàng V – vắng mặt tại phiên tòa.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Thẩm phán còn chưa đảm bảo thời hạn trong việc gửi thông báo thụ lý cho bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

+ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị H.

+ Về con chung: Các con đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Trần Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Hoàng V, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình. Ông Lê Hoàng V, sinh năm: 1971 hiện cư ngụ đường 1, Phường C, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11 theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông V đã được Tòa án tổng đạt xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Do đó, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông V.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được công khai tại Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 26/01/2021 thì các đương sự không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

*[2] Về quan hệ hôn nhân:*

Bà H và ông V chung sống có đăng ký kết hôn nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của Bà H: Trong quá trình chung sống, những năm gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn về mặt tình cảm và kinh tế. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh chủ yếu là do ông Lê Hoàng V hay uống rượu bia về nhà gây sự với vợ con, mắng chửi Bà H. Bà H cùng gia đình chồng đã nhiều lần khuyên nhủ ông V nhưng tình hình không có cải thiện. Ông V vẫn thường xuyên uống rượu bia và không có trách nhiệm với vợ con. Các con đều đã trưởng thành nên Bà H không muốn chịu đựng thêm nữa.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông V đến Tòa án để giải quyết, nhưng ông V không đến, thiếu thiện chí hòa giải.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 3, Quận 11 và lời trình bày của Bà H, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa Bà H và ông V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc kéo dài quan hệ hôn nhân này không còn ý nghĩa và không mang lại hạnh phúc cho hai bên.

Do đó Bà H yêu cầu ly hôn với ông V là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*[3] Về con chung:*

Hội đồng xét xử xét thấy: Lê Thị Thùy L, Lê Thị Thùy A đã thành niên, Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

*[4] Về tài sản chung và nợ chung:*

Bà H khai không có. Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

*[5] Về án phí:*

Bà H chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

*Bởi các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trần Thị H.

- Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Lê Hoàng V. Giấy chứng nhận kết hôn số 94 do Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/5/2001 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Lê Thị Thùy L (nữ, sinh ngày: 05/12/1993), Lê Thị Thùy A (nữ, sinh ngày: 01/12/2002). Các con đã thành niên, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Trần Thị H chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0015944 ngày 22/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11. Bà Trần Thị H đã nộp đủ án phí.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Ngọc Diệp**